

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA NĂM 2025**
(Tháng 11/2025)

Thực hiện Nghị định của Chính phủ: số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa năm 2025; theo đó, thời hạn thu, nộp Quỹ được chia thành 2 đợt. Đợt 1 trước ngày 31/7/2025 đối với các Sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, lực lượng vũ trang và UBND cấp xã, phường, doanh nghiệp tổ chức thu, nộp Quỹ đối với công dân trong độ tuổi lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Đợt 2 trước ngày 30/11/2025 đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài. (bao gồm cả tiền đóng góp theo giá trị tài sản).

Qua công tác theo dõi, tổng hợp, kết quả thu, nộp về tài khoản Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng, môi trường và Phòng, chống thiên tai Thanh Hóa (Ban quản lý Quỹ) tại Kho bạc nhà nước Khu vực XI; Ban quản lý Quỹ thông báo kết quả thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tính đến ngày 30/11/2025, Tổng số tiền thu, nộp Quỹ trên địa bàn toàn tỉnh là **19.306,78 triệu đồng** (không bao gồm số thu được để lại cấp xã), trong đó:

- + Kinh phí sau quyết toán của các đơn vị chuyển về tài khoản Quỹ cấp tỉnh là 2.663,26 triệu đồng
- + Các sở, ban, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh: 830,1 triệu đồng;
- + UBND Các huyện, thị xã, thành phố: 1.512,65 triệu đồng;
- + UBND Các xã, phường: 3.246,59 triệu đồng;
- + Các đơn vị lực lượng vũ trang: 514,41 triệu đồng;
- + Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài do Thuế tỉnh trực tiếp quản lý (doanh nghiệp): 10.109,69 triệu đồng;
- + Các cơ quan, đơn vị, cá nhân nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh: 33,48 triệu đồng;
- + Các cơ quan, đơn vị nộp theo kế hoạch thu năm 2024: 88,26 triệu đồng;
- + Lãi tiền gửi tại Kho bạc: 308,33 triệu đồng.

Danh sách các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp: Theo phụ lục đính kèm.

Phụ lục:
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH THANH HOÁ, NĂM 2025

ĐVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Tổng số kế hoạch theo Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá		Kết quả thu, nộp	Tỉ lệ so với kế hoạch (%)	Ghi chú
		Tổng cộng	Số tiền thu, nộp về tài khoản Cơ quan quản lý Quỹ PCTT cấp tỉnh			
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
I	Các Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trên địa bàn thành phố	777.298.000	777.298.000	830.103.436	106,79	Tại phụ lục 01
II	UBND các huyện, thị xã, thành phố (cũ)	27.431.038.602	19.009.642.849	1.512.647.100	7,96	Tại phụ lục 02
III	UBND các xã, phường			3.246.593.943		Tại phụ lục 03
IV	Lực lượng vũ trang	327.250.000	327.250.000	514.412.257	157,19	Tại phụ lục 04
V	Thu của doanh nghiệp do Thuế tỉnh quản lý	48.740.960.000	48.740.960.000	10.109.692.565	20,74	Tại phụ lục 05
VI	Đơn vị thuộc huyện thu gửi trực tiếp về Quỹ			33.475.523		Tại phụ lục 06
VII	Thu theo kế hoạch năm 2024			88.263.500		Tại phụ lục 07
VIII	Kinh phí còn dư tại cấp huyện năm 2024	2.821.263.321	2.821.263.321	2.663.263.411		Tại phụ lục 08
IX	Lãi kho bạc	300.000.000	300.000.000	308.328.635		
X	Thu khác từ các đv gửi lại sau QT					
TỔNG CỘNG:		80.397.809.923	71.976.414.170	19.306.780.370	26,82	
LÀM TRÒN:		80.397.810.000	71.976.414.000	19.306.800.000	26,82	

Phụ biểu 01:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ KHỎI
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH; CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NĂM 2025**

ĐVT: VN Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh (Tinh đến ngày 30/11/2025)
(1)	(2)	(3)
	Tổng	830.103.436
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	767.084.310
1	Văn phòng Tỉnh Ủy	2.712.273
2	Văn phòng UBND tỉnh	5.076.000
3	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	9.360.000
4	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	2.800.000
5	Ban Tuyên giáo và dân vận Tỉnh ủy	3.300.000
6	Ban kiểm tra tỉnh ủy Thanh Hóa	1.649.200
7	Ban Nội chính Tỉnh ủy	1.223.000
8	Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh	770.000
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	60.486.000
	- Chi cục Kiểm lâm	11.532.000
	VP Chi cục	2.279.000
	Đội KLCĐ và PCCCR	1.166.000
	Hạt Kiểm lâm TP. Thanh Hóa	954.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Thủy	636.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Hà Trung	795.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân	954.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Bá Thước	1.007.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn	954.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân	1.060.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh	1.113.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Ngọc Lặc	848.000
	Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh	
	Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh	879.000
	- Chi cục Biển đảo và Thủy sản	2.279.000
	- Trung tâm phát triển quỹ đất TH	2.160.000

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh (Tinh đến ngày 30/11/2025)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
	- Chi cục PTNT	1.378.000
	- VP Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa	990.000
	- Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	918.000
	- Trung tâm Khuyến Nông	1.782.000
	- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường	9.169.000
	- Quỹ Bảo vệ PTR, môi trường và PCTT	1.484.000
	- Ban QL Vườn Quốc gia Xuân Liên	7.674.000
	- Ban QL KBT TN Pù Luông	1.330.000
	- Ban QL KBT TN Pù Hu	2.075.000
	- Ban QLRPH Nghi Sơn	1.050.000
	- Ban QLRPH Thạch Thành	5.000.000
	- Ban QLRPH Thường Xuân	4.030.000
	- Ban QLRPH Lang Chánh	825.000
	- Ban QLRPH Quan Sơn	1.431.000
	- Trung tâm quan trắc, môi trường, địa chất	4.266.000
10	Sở Tư pháp	4.990.000
11	Sở Công thương	15.317.000
	- Văn phòng sở	3.348.000
	- Đơn vị trực thuộc Sở	11.969.000
12	Sở Xây dựng	54.032.064
	- Cơ quan Sở	47.737.064
	- Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa	6.295.000
	Sở Giáo dục và Đào tạo	15.900.000
13	Sở Nội vụ	11.818.000
14	Sở Tài chính	27.170.698
	- Cơ quan Sở	8.262.000
	- Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DN vừa và nhỏ	18.908.698
15	Sở Y tế	397.494.741
	- Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm	1.836.000
	- Khối Trung tâm y tế tuyến tỉnh:	12.123.000

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh (Tính đến ngày 30/11/2025)
(1)	(2)	(3)
	Trung tâm Pháp Y và Giám định Y khoa Thanh Hóa	1.485.000
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thanh Hoá	10.638.000
	Trung tâm Chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí khu vực Miền núi Thanh Hóa	1.931.000
	- Khối Bệnh viện tuyến tỉnh:	240.700.105
	Bệnh viện đa khoa tỉnh	68.232.273
	Bệnh viện phụ sản	30.328.000
	Bệnh viện nội tiết	11.785.000
	Bệnh viện da liễu	6.642.000
	Bệnh viện phổi	18.198.000
	Bệnh viện tâm thần	12.826.000
	Bệnh viện ung bướu	22.549.168
	Bệnh viện mắt	8.881.364
	Bệnh viện y dược cổ truyền	11.650.800
	Bệnh viện nhi	43.777.500
	Bệnh viện Phục hồi chức năng	5.830.000
	- Khối Bệnh viện tuyến huyện:	140.904.636
	Trung tâm y tế Triệu Sơn	24.485.000
	Trung tâm y tế Hạc Thành	16.696.000
	Trung tâm y tế Hậu Lộc	9.295.000
	Trung tâm y tế Quảng Xương	10.980.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa	14.284.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	15.530.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	14.098.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương	13.833.000
	Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc	14.790.000
	Bệnh viện đa khoa Bim Sơn	6.913.636
	- Trung tâm bảo trợ xã hội Thanh Hóa	6.480.000
	- Trung tâm bảo trợ xã hội số 2	2.808.000
	- Làng trẻ em SOS	4.900.000
	- Trung tâm công tác xã hội Quỹ bảo trợ trẻ em Thanh Hóa	1.760.000

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh (Tinh đến ngày 30/11/2025)
(1)	(2)	(3)
16	Sở Khoa học và Công nghệ	6.890.000
17	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	31.646.134
	- Cơ quan Sở	9.306.834
	- Thư viện tỉnh	1.350.000
	- Trung tâm nghiên cứu LS và Bảo tồn di sản văn hoá Thanh Hoá	4.187.000
	- Trung tâm bảo tồn di sản thành nhà Hồ	1.040.000
	- Bảo tàng tỉnh	1.170.000
	- Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	6.615.000
	- Nhà hát Nghệ thuật Lam Sơn Thanh Hóa	7.977.300
18	Sở Ngoại vụ	1.296.000
19	Sở Dân tộc và Tôn giáo	1.855.000
20	Viện Nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá	6.254.000
21	Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình	46.031.000
22	Trường Đại học Hồng Đức	5.000.000
23	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	11.289.000
24	Trung tâm xúc tiến Du lịch và Văn hóa, Điện ảnh Thanh Hóa	3.024.000
25	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hoá	3.392.000
26	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hoá	3.313.000
27	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hoá	7.235.200
28	Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hoá	1.026.000
29	BQL DA đầu tư Công trình giao thông Thanh Hóa	7.722.000
30	Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa	1.064.000
II	CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CẤP TỈNH	3.490.000
1	Ủy ban MTTQ tỉnh	2.500.000
2	Hội Nông dân tỉnh	990.000
III	CƠ QUAN THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	59.529.126
1	Tòa án nhân dân tỉnh TH	18.768.000

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh (Tính đến ngày 30/11/2025)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
2	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh TH	6.331.000
3	Cục Thống kê Thanh Hóa	8.296.392
4	Chi cục Hải quan khu vực X	5.000.000
5	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa	10.530.000
6	Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa	8.636.000
	- Bảo hiểm cơ sở Sầm Sơn	1.967.734

Phụ biểu 02:

**KẾT QUẢ THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ,
THÀNH PHỐ NỘP VỀ TÀI KHOẢN CƠ QUAN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2025**

ĐVT: VN Đồng

TT	Đơn vị/Địa phương	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú		
Tổng		1.512.647.100	Lần 1	Lần 2	Lần 3
1	Thành phố Thanh Hóa	197.779.000	4.960.000	153.682.600	39.136.400
2	Thành phố Sầm Sơn	44.357.000	41.722.000	2.635.000	
3	Thị xã Nghi Sơn	214.536.833	214.536.833		
4	Huyện Nông Cống	20.552.000	20.552.000		
5	Huyện Thiệu Hóa	2.400.384	2.400.384		
6	Huyện Triệu Sơn	22.802.880	22.802.880		
7	Huyện Yên Định	116.699.800	92.539.800	22.464.000	1.696.000
8	Huyện Hà Trung	26.586.883	26.586.883		
9	Huyện Quảng Xương	92.150.173	92.150.173		
10	Huyện Hậu Lộc	43.353.500	43.353.500		
11	Huyện Nga Sơn	100.075.187	97.295.187	2.780.000	
12	Huyện Như Thanh	82.117.103	82.011.103	106.000	
13	Huyện Thạch Thành	151.759.800	151.759.800		
14	Huyện Cẩm Thủy	41.063.980	41.063.980		
15	Huyện Ngọc Lặc	166.052.552	166.052.552		
16	Huyện Như Xuân	11.226.000	11.226.000		
17	Huyện Thường Xuân	92.465.000	92.250.000	215.000	
18	Huyện Lang Chánh	10.492.000	10.492.000		
19	Huyện Bá Thước	4.182.000	4.182.000		
20	Huyện Quan Hóa	5.639.000	5.639.000		
21	Huyện Quan Sơn	4.600.000	4.600.000		
22	Huyện Mường Lát	61.756.025	61.756.025		

Phụ biểu 03:

KẾT QUẢ THU QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC XÃ, PHƯỜNG
NỘP VỀ TÀI KHOẢN CƠ QUAN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2025

ĐVT: VN Đồng

TT	Đơn vị/Địa phương	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú		
			Lần 1	Lần 2	Lần 3
(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)
TỔNG		3.246.593.943			
1	Quảng Phú	28.486.080			
2	Đông Quang	64.775.000			
3	Đông Sơn	139.558.320			
4	Nguyệt Viên	62.286.623			
5	Nam Sầm Sơn	54.082.000			
6	Bỉm Sơn	93.264.000			
7	Quang Trung	95.362.000			
8	Tân Dân	38.203.000			
9	Hải Lĩnh	53.452.000			
10	Trường Lâm	61.912.800			
11	Vĩnh Lộc	102.245.000			
12	Tây Đô	62.966.000			
13	Biện Thượng	115.615.000	35.615.000	80.000.000	
14	Thiệu Quang	71.000.000			
15	Thiệu Toán	65.000.000			
16	Thiệu Trung	82.849.600	67.118.400	15.731.200	
17	Thọ Bình	58.540.400			
18	Thọ Ngọc	71.768.000			
19	Thọ Phú	112.949.000			
20	Hợp Tiến	77.738.000			
21	Yên Ninh	54.590.000			
22	Xuân Hòa	60.000.000			
23	Sao Vàng	85.000.000			
24	Thọ Lập	54.000.000			
25	Xuân Lập	105.868.000			
26	Lưu Vệ	51.682.000			
27	Quảng Ngọc	32.365.000			
28	Quảng Bình	80.000.000			
29	Hoảng Hóa	86.000.000			
30	Hoảng Thanh	73.850.000	22.525.000	1.325.000	50.000.000
31	Hoảng Lộc	67.140.000			
32	Hoảng Châu	82.841.000			
33	Hoảng Sơn	58.245.000			
34	Hoảng Phú	24.954.800	7.454.800	17.500.000	
35	Hoảng Giang	79.026.000	50.000.000	29.026.000	
36	Đông Thành	78.480.000			

37	Nga Sơn	68.840.000			
38	Nga Thắng	62.702.000			
39	Hồ Vương	64.430.000			
40	Tân Tiến	60.458.000			
41	Nga An	62.692.000			
42	Yên Thọ	61.160.400			
43	Kim Tân	70.000.000			
44	Cẩm Thủy	104.669.600	40.901.100	63.768.500	
45	Thượng Ninh	48.460.320			
46	Thanh Phong	8.052.000			
47	Xuân Chinh	1.060.000			
48	Bát Mọt	3.482.000			
49	Bá Thước	44.493.000			

Phụ biểu 04:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ
KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, NĂM 2025**

DVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	55.650.000	
2	Công An tỉnh	417.162.257	
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	41.600.000	
Tổng		514.412.257	

Phụ biểu 05:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC DOANH NGHIỆP
DO THUẾ TỈNH QUẢN LÝ, NĂM 2025**

ĐVT: VN Đồng

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		TỔNG		10.109.692.565
1	88	Công ty Cổ Phần Bt Hải Hòa - Bình Minh	2802934174	103.138
2	316	Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	2801023570	23.736.854
3	383	Công ty TNHH Duyệt Cường	2800855706	35.794.610
4	434	Công ty Cổ Phần Mía Đường Thanh Hóa	2800773267	11.464.000
5	908	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN H. Thường Xuân Nam Thanh Hóa	0100686174-525	1.680.000
6	963	Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Bảo Long - Công ty Bảo Hiểm Bảo Long Thanh Hóa	0301458065-024	2.035.000
7	129	Công ty TNHH May Mặc Xuất Khẩu Appareltech Vĩnh Lộc	2801686176	69.016.000
8	846	CN Phòng Khám Đa Khoa - Phòng Mạch - Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Thanh Hóa	2800231948-040	3.053.000
9	965	Công ty Xăng Dầu Thanh Hóa - Công ty TNHH	2800114779	36.552.000
10	899	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN H. Như Xuân Nam Thanh Hóa	0100686174-513	2.123.000
11	546	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng Hợp Cường Thịnh	2803126525	6.590.000
12	791	Công ty TNHH Ariyoshi (Việt Nam)	3700815557	3.528.000
13	124	Công ty Cổ Phần Sản Xuất Chế Biến Nông Lâm Sản Và Vật Tư Nông Nghiệp Phúc Thịnh	2802200938	6.767.000
14	190	Công ty Cổ Phần Vicem Bao Bì Bim Sơn	2800508928	10.000.000
15	138	Công ty TNHH Sản Xuất TMVT	2802206471	29.638.000
16	359	Công ty TNHH Giấy Alina Việt Nam	2802198566	15.343.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
17	627	Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Dịch vụ Đức Luân	2800762931	5.038.000
18	76	Công ty Cổ Phần Cấp Nước Thanh Hóa	2800219549	173.952.000
19	19	Công ty TNHH Sakurai Việt Nam	2801157817	100.000.000
20	22	Công ty TNHH Giấy Alena Việt Nam	2802205478	100.000.000
21	878	Công ty Cổ Phần Phân Bón Lam Sơn	2800783723	27.711.000
22	711	Công ty Cổ Phần Đttd Vt Và Thương mại Trường Phát	2802837043	2.535.000
23	44	Công ty TNHH Giấy Kim Việt Việt Nam	2802612434	100.000.000
24	870	Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa	0100112437-197	5.682.136
25	879	Công ty Sinoma International Engineering Co., Ltd	2802289044	848.000
26	457	Công ty TNHH Kh Vina	2802442408	45.954.319
27	959	Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa	0100111948-085	10.940.000
28	886	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tỉnh Thanh Hóa	0100686174-184	58.771.641
29	868	Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	0100112437-078	16.535.000
30	426	Công ty TNHH Tân Nam Phong	2800815365	15.165.000
31	626	Công ty Cổ Phần Quản Lý Và Xây Dựng Đường Bộ I Thanh Hoá	2800218030	12.300.000
32	26	Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam	2802772325	100.000.000
33	71	Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đài Loan	2800219066	113.923.000
34	348	Công ty TNHH In Kyung Vina Co.,Ltd	2802292135	16.223.000
35	32	Công ty TNHH Giấy Venus Việt Nam	2802259272	100.000.000
36	671	Công ty Lâm Nghiệp Cẩm Ngọc	2600357502-032	1.725.000
37	276	Công ty TNHH Hai Thành Viên Lam Sơn	2800104629	24.523.000
38	710	Công ty Cổ Phần Điện Cơ Và Xây Lắp Công Trình Thanh Hóa	2800517672	10.112.000
39	831	Công ty Đấu Giá Hợp Danh Thanh Hóa	2802625218	1.917.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
40	75	Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Bắc Sông Mã Thanh Hóa	2800129172	36.502.000
41	537	Công ty TNHH Miju Vina	2802582243	6.013.813
42	639	Công ty TNHH MTV Xô Số Kiến Thiết Thanh Hóa	2800225493	7.410.000
43	619	Công ty TNHH Ludia Vina	2803120192	5.569.000
44	481	Công ty TNHH Sunhomes Laboratory Việt Nam	2802313378	18.841.217
45	464	Công ty TNHH Honey Son House Việt Nam	2803053362	12.002.859
46	947	Cảng Hàng Không Thọ Xuân - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - Công ty Cổ Phần	0311638525-024	12.945.000
47	825	Công ty Cổ Phần Nước Mắm Thiên Hương Thanh Hoá	2800843355	2.278.000
48	198	Công ty Cổ Phần Môi Trường Và Công Trình Đô Thị Thanh Hóa	2800152894	16.826.000
49	101	Công ty TNHH MTV Bệnh Viện Đa Khoa Hợp Lực	2801178302-002	50.000.000
50	50	Tổng Công ty Cổ Phần Hợp Lực	2801178302	50.000.000
51	536	Công ty Cổ Phần Bitcar Thanh Hóa	2803121830	10.347.000
52	29	Công ty TNHH Giấy Sun Jade Việt Nam	2801149968	100.000.000
53	59	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Thương mại Minh Hương	2801368688	103.159.423
54	57	Công ty TNHH Tân Thành 1	2801156789	67.555.000
55	63	Công ty Cổ Phần Công Nông Nghiệp Tiến Nông	2800142141	82.135.000
56	278	Công ty TNHH Dream F Vina	2801699619	21.636.000
57	350	Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Lộc Holdings	104778080	17.542.500
58	145	Công ty Cổ Phần Cromit Nam Việt	2801172029	79.363.000
59	471	Công ty TNHH May Man Seon Global	2801601824	2.935.000
60	148	Công ty TNHH Giấy Pmt	2802937898	55.183.000
61	813	Công ty TNHH Dịch vụ Và Đầu Tư Thương mại Bảo Phương	202020591	2.778.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
62	296	Công ty TNHH Thọ Xuân Corporation	2802424127	67.354.350
63	10	Công ty Điện Lực Thanh Hoá - CN Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc	0100100417-009	171.716.000
64	115	Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Dầu Khí Thanh Hóa	2801583156	107.169.696
65	942	Công ty Cổ Phần Cơ Khí Chế Tạo Đại Dũng Nghi Sơn	2803065939	19.251.000
66	27	Công ty TNHH Giấy Aleron Việt Nam	2801572588	100.000.000
67	31	Công ty TNHH Giấy Adiana Việt Nam	2802866943	100.000.000
68	2	Công ty TNHH Điện Nghi Sơn 2	2802122729	79.815.435
69	641	Công ty Cổ Phần Cây Xanh Phúc Lộc Thanh Hoá	2803024996	7.425.000
70	105	Công ty TNHH Fruit Of The Loom Việt Nam	2802294083	188.417.538
71	86	Công ty TNHH MTV Thuốc Lá Thanh Hoá	2800238397	150.551.000
72	17	Công ty Cổ Phần Thủy Điện Hoàng Anh Thanh Hóa	2801079478	57.961.520
73	18	Công ty TNHH Giấy Annora Việt Nam	2801568888	50.000.000
74	901	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Nam Thanh Hóa	0100686174-515	8.712.000
75	909	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN H. Như Thanh Nam Thanh Hóa	0100686174-526	2.038.634
76	905	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Tĩnh Gia Nam Thanh Hóa	0100686174-520	4.413.200
77	912	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN H. Nông Cống Nam Thanh Hóa	0100686174-530	4.123.182
78	900	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Nghi Sơn Nam Thanh Hóa	0100686174-514	2.706.129
79	893	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Số 2 Nam Thanh Hóa	0100686174-507	2.305.221
80	892	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Ba Đình Nam Thanh Hóa	0100686174-506	3.700.000
81	920	Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín- CN Thanh Hoá	0301103908-036	13.260.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
82	23	Công ty TNHH Giấy Roll Sport Việt Nam	2801572789	100.000.000
83	537	Công ty TNHH Miju Vina	2802582243	21.242.308
84	884	Ngân Hàng Hợp Tác X. Việt Nam- CN Thanh Hóa	0100112620-021	12.976.000
85	887	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Thanh Hóa	0100686174-185	6.953.600
86	208	Công ty TNHH Lam Sơn - Công Đoàn Thanh Hóa	2802536568	8.509.000
87	941	CN Công ty Cổ Phần Sữa Việt Nam - Nhà Máy Sữa Lam Sơn	0300588569-024	14.161.600
88	347	Công ty TNHH Snb Vina	2802593735	848.080
89	435	Công ty TNHH May Junjie Việt Nam	2803119655	10.141.000
90	237	Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Nghi Sơn	2802454629	55.962.000
91	816	Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Thanh Hóa	2800239312	1.044.000
92	738	Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương mại Và Nội Thất Bình Minh	108487082	7.856.000
93	923	Viễn Thông Thanh Hóa	2800242097	39.350.912
94	516	Công ty Cổ Phần Kiến Trúc Và Xây Dựng Thanh Hóa	2802832951	7.761.000
95	3	Công ty Nhiệt Điện Nghi Sơn - CN Tổng Công ty Phát Điện 1	5701662152-011	133.745.000
96	525	Công ty TNHH Delta Hậu Lộc	2803054214	44.288.280
97	808	Công ty TNHH Delta Giáo Dục	2803054020	4.191.415
98		Công ty TNHH Daikichi Việt Nam	2802931494	20.320.504
99		Công ty CP đầu tư và du lịch Đại Dương Xanh	2802508514	5.346.921
100		VCCI Thanh Hóa - Ninh Bình		6.951.000
101	117	Công ty TNHH Winners Vina	2801588676	75.948.000
102	915	Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Ngân Hàng Nông Nghiệp- CN Thanh Hoá	0102183722-009	12.043.000
103	918	Trung Tâm Kinh Doanh Vnpt - Thanh Hóa - CN Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	0106869738-020	24.820.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
104	939	Công ty Bảo Việt Thanh Hoá	0101527385-051	2.714.000
105	422	Công ty TNHH Đá Ốp Lát Hoan Liên	2800719799	14.009.000
106	24	Công ty TNHH Công Nghiệp Long Sơn	2802562783	27.393.000
107	922	CN Công ty TNHH Long Sơn Tại Thanh Hóa - Nhà Máy Xi Măng Long Sơn	2700271520-003	109.741.000
108	312	Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Đại Quang Minh	2802749132	24.831.247
109	877	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính Xác 11	2800243742	68.598.000
110	96	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kcn Thanh Hóa	2800962521	104.070.400
111	25	Công ty TNHH MTV Sông Chu	2800111224	172.930.000
112	95	Công ty TNHH Thn Autoparts Việt Nam	2802879357	111.503.129
113	1	Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	2801149686	232.090.000
114	46	Công ty TNHH Giấy Akalia Việt Nam	2802849169	521.986.538
115	673	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Tín Pharma	2803032771	5.697.000
116	177	Công ty TNHH Ds Hi-Tech Vina	2802800124	18.360.000
117	45	Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	2801971744	75.238.540
118	403	CN Công ty TNHH Công Nghệ Thể Thao Victory	2803014733-001	49.297.000
119	126	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Thanh Hoá	2800231948	130.255.000
120	638	CN Phía Bắc - Công ty TNHH Ever Shine Việt Nam	3801295086-001	34.511.880
121	866	CN Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Vật Tư Thiết Bị Đường Sắt - CN 2 Thanh Hóa	0100106031-016	848.000
122	333	Công ty TNHH Kinh Doanh Vật Tư Tổng Hợp Phú Hùng	2800136638	2.000.000
123	474	Công ty Cổ Phần Sectentin Và Phân Bón Thanh Hóa	2800237812	13.282.000
124	921	Công ty TNHH Peci Việt Nam	311960323	59.065.086

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
125	28	Tổng Công ty Xây Dựng Thanh Hóa - Công ty Cổ Phần	2800221474	135.571.000
126	74	Công ty TNHH Vaude Việt Nam	2801179169	30.000.000
127	933	Văn Phòng Đại Diện Công ty Land'N Sea Inc., Tại Việt Nam	2802010454	450.000
128	510	Công ty TNHH MTV Co.Opmart Thanh Hóa	2801917948	16.515.893
129	264	Công ty TNHH Flc Samson Golf & Resort	2802213077	32.325.000
130	568	Công ty TNHH Sunny Apparel	107893123	28.020.000
131	4	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Vas Nghi Sơn	2801115888	104.740.396
132	507	Công ty TNHH May DH Vina	2802670404	2.000.000
133	895	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN H. Thạch Thành Bắc Thanh Hóa	0100686174-509	2.720.000
134	890	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN H. Nga Sơn Bắc Thanh Hóa	0100686174-503	5.048.000
135	646	Công ty TNHH Điện Sông Mực	2800989315	4.849.000
136	304	Công ty Cổ Phần Phú Nam Sơn	2801139536	20.538.736
137	770	Công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Việt Bằng	2800351089	3.232.000
138	482	Công ty TNHH MTV Bóng Đá Đông Á Thanh Hóa	2802900665	4.410.016
139	643	Công ty TNHH Thương mại Tổng Hợp Và Vận Tải Hoàng Minh	2803068496	4.899.000
140	168	Công ty Cổ Phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	2800791192	72.618.000
141	729	Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi Thanh Hóa	2800748609	1.187.000
142	567	Công ty Cổ Phần Sản Xuất - Chế Biến Cói Xuất Khẩu Việt Anh	2801425368	6.730.000
143	425	Công ty TNHH Toyota Thanh Hóa	2801472262	18.574.000
144	111	Công ty TNHH MTV Cao Su Thanh Hoá	2800108704	137.584.000
145	950	Trung Tâm Giáo Dục Nghề Nghiệp Annora	2803144147	2.714.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
146	87	Công ty Cổ Phần Sông Việt Thanh Hóa	2801815287	22.528.146
147	204	Công ty TNHH Seil M - Tech Vina	2802805161	46.767.000
148	544	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Cấp Thoát Nước Thắng Thịnh Phát	2801586439	6.959.000
149	337	Công ty TNHH Delta Hoàng Long	2803054207	20.196.510
150	79	Công ty Cổ Phần Dụng Cụ Thể Thao Delta	2800702548	133.674.000
151		Công ty CP PCA Đại Dương Xanh		3.314.396
152	299	Công ty TNHH MTV Tân Thành 2	2801158698	26.185.000
153	54	Công ty TNHH Dầu Thực Vật Khu Vực Miền Bắc Việt Nam	2801960710	68.771.066
154	39	Công ty TNHH MTV Tce Jeans	2.802.628.339	100.000.000
155	110	Công ty Cổ Phần Môi Trường Nghi Sơn	2801403389	103.452.076
156	140	Công ty Cổ Phần Môi Trường Nghi Sơn (Nộp Thay Tổ Chức Hợp Tác Kinh Doanh)	2803051326	1.611.346
157	919	Công ty TNHH Oceanus Outwear - CN Thanh Hóa	0108467791-001	31.803.000
158	865	CN Khu Vực I - Công ty Cổ Phần Bảo Vệ Thực Vật 1 Trung Ương	0100101611-017	1.103.000
159	924	Công ty Cổ Phần Mía Đường Lam Sơn	2800463346	63.616.000
160	288	Công ty TNHH Nomura Thanh Hóa	2801039669	20.564.005
161	416	Công ty TNHH Đức Lộc	2800501760	3.200.000
162	339	Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thương mại Phú Tài	2801963831	27.830.000
163	173	Công ty TNHH Thương mại Phú Sơn	2800730312	49.128.000
164	558	Công ty Cổ Phần - Tổng Công ty Than Long Thanh	2803069210	4.400.000
165		Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bầm Sơn Thanh Hóa	0100686174-524	2.289.808
166	218	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Thái Thanh Hoá	2800151001	11.703.000
167	184	Công ty TNHH Jinyi Jewelry Việt Nam	109651754	49.969.000
168	305	Công ty Cổ Phần Á Mỹ - Thọ Xuân	2802421334	23.058.000
169	55	Công ty TNHH Giấy Aresa Việt Nam	2801598378	100.000.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
170	194	Công ty TNHH MTV Thép Vas Nghi Sơn	2802566890	198.210.048
171	413	Công ty Cổ Phần Thương mại Tân Thành Phát	2800586669	14.455.000
172	617	Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Thống Nhất	2801219340	5.757.000
173	119	Công ty TNHH S&H Vina	2802185493	75.529.163
174	56	Công ty TNHH Vận Tải & Thương mại Xăng Dầu Thiên Phúc	2802198911	109.923.000
175	82	Công ty TNHH Xây Dựng Và Khai Thác Hạ Tầng Lam Sơn Sao Vàng	2802495858	100.965.000
176	966	Công ty Cổ Phần Đolômít Việt Nam	2801073363	2.120.000
177	931	CN Sécptin Thanh Hóa - Công ty TNHH Hoàng Ngân	2700271351-001	2.524.000
178	748	Công ty Cổ Phần Visaco	2800115370	4.590.000
179	166	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Điện Bắc Miền Trung	2800999955	23.306.000
180	100	Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa	2800110566	125.078.788
181	255	Công ty TNHH Nông Nghiệp Cnc Hồ Gươm - Sông Âm	2800104770	13.000.000
182	569	Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Và Thương mại Biển Đông	2802881571	6.369.000
183	345	Công ty Cổ Phần Thàn Nông Thanh Hóa	2800588955	20.973.935
184	660	Tổng Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông Thanh Hoá	2800750238	3.482.000
185	319	Công ty Cổ Phần In Và Vật Tư Ba Đình Thanh Hóa	2800748334	2.000.000
186		Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại Bò sữa Thanh Hóa	5000268824-004	5.994.000
187		Công ty CP Giấy Lam Sơn Thanh Hóa	2800228769	33.884.000
188	241	Công ty Cổ Phần Dịch vụ Nước Sạch Triệu Sơn	2802748361	29.478.000
189	212	Công ty Cổ Phần Đường Sắt Thanh Hóa	2800190392	71.199.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
190		Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại Bò sữa Như Thanh		5.967.000
191	260	Công ty Cổ Phần Hiền Đức Hải Hòa	2802527179	27.000.000
192	514	Công ty TNHH Sgmj	315446292	6.655.000
193	92	Công ty Cổ Phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa - Tkv	2801007917	104.378.846
194	857	Văn Phòng Công Chứng Đăng Xuân Thành	2802844788	3.129.000
195	860	CN Tư Vấn Xây Dựng Và Thương mại - Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Bắc Sông Mã Thanh Hóa	2800129172-009	1.539.000
196	14	Công ty Cổ Phần Anh Phát Petro	2802493498	107.597.356
197	885	Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lam Sơn	0100150619-167	6.700.000
198	937	Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Ngân Hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Hóa	0100931299-039	1.527.000
199	628	Công ty TNHH SxThương mại Hưng Tùng	2800570210	7.591.000
200	964	Công ty Bảo Hiểm Toàn Cầu Thanh Hóa	0304422444-017	1.187.000
201	809	Công ty TNHH Đá Cúc Khang	2800674548	2.425.000
202	243	Công ty TNHH Việt Phương	2800150819	3.053.000
203	53	Công ty TNHH Dịch vụ Và Chăn Nuôi New Hope Thanh Hóa	2802466159	111.610.550
204	593	Công ty Cổ Phần Vận Tải - Xây Dựng Và Sản Xuất Gạch Ngói Mai Chử	2800518820	7.684.000
205	649	Công ty Cổ Phần Thương mại Và XNK Nam Anh	2802622880	2.000.000
206	269	Công ty TNHH Thanh Hóa Gelan Textile Ind	2802817311	4.834.056
207	777	Công ty Cổ Phần Y30	2802529666	3.987.000
208	244	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương mại Lam Sơn	2800803176	28.322.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
209	327	Công ty Cổ Phần Bệnh Viện Mắt Thanh An	2802520857	23.320.000
210	423	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Vệ Lam Sơn	2801072867	45.038.000
211	685	Công ty Lâm Nghiệp Lang Chánh	2600357502-031	1.194.000
212	958	Ngân Hàng Thương mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	0100111948-017	13.569.000
213	672	Công ty Cổ Phần Lợn Giống Dân Quyền	2800105862	4.422.000
214	66	Tổng Công ty Đầu Tư Hà Thanh - Công ty Cổ Phần	2800830733	85.076.923
215	336	Công ty Cổ Phần May Thanh Hóa	2800786788	9.028.605
216	360	Công ty TNHH Hà Thanh Plaza	2802789992	13.284.340
217	468	Công ty TNHH Khách Sạn Hoa Hồng Biển	2803070463	4.783.584
218	576	Công ty TNHH VLXD Sơn Lộc	2803109801	3.240.139
219	317	Công ty Cổ Phần Quản Lý Đường Bộ II Thanh Hoá	2800218023	19.253.000
220	15	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	2802520818	28.241.000
221		Công ty TNHH Thời trang LDL		1.950.385
222		Công ty TNHH sản xuất chế biến Lâm sản Hải Oanh		736.154
223	38	Công ty TNHH Công Nghiệp Sab (Việt Nam)	2802832493	5.000.000
224	127	Công ty TNHH Hua Long Moly Việt Nam	2803066650	20.000.000
225	411	Công ty Cổ Phần Thiết Bị & Tự Động An Phát	2801006141	15.552.000
226	256	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Và Sản Xuất Phương Linh	2802758070	24.167.000
227	535	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sông Việt 5	2803052295	10.516.000
228	112	Công ty TNHH Hoa Thành Thanh Hoá	2803048404	142.158.370
229	556	Công ty TNHH Sunjin Vina - CN Thanh Hóa	0303897815-001	5.357.000
230	615	Công ty Cổ Phần Cơ Điện VCP	109298049	5.528.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
231	246	Công ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa Khoa Thanh Hà	2801211736	37.988.352
232	306	Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Bình Minh	2800789098	20.145.000
233	943	CN Công ty TNHH Xây Dựng Và Sản Xuất Vật Liệu Xây Dựng Bình Minh Tại Thanh Hoá	3500332619-001	13.315.000
234	175	Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Viet Avis	2802472152	43.644.000
235		Công ty CP quản lý đường thủy nội địa và xây dựng giao thông	2800463787	17.690.000
236	741	Công ty Cổ Phần Hợp Lợi Thịnh	2803101143	3.139.000
237	116	Công ty Cổ Phần Thủy Điện Xuân Minh	2802200078	78.345.000
238	270	Công ty Cổ Phần Thủy Điện Bái Thượng	2801952893	13.067.000
239	99	Công ty TNHH Đầu Tư Sigma	2802924352	50.000.000
240		Công ty Lê Kim Chi		1.075.192
241		HTX Nông Sản Thắng Nông, Tế Lợi		1.444.615
242		Văn phòng công chứng Trần Đình		500.000
243		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KAZUDO VINA	2802387154	1.090.385
244		Công ty TNHH Duy Thư Print		677000
245	695	Công ty TNHH Công Nghệ Suntech One	2802850100	1.000.000
246	925	Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	2800786957	4.231.000
247	222	Công ty TNHH MTV Thành Công	2800463339	3.000.000
248		Công ty TNHH thương mại XNK chế biến Lâm Sản Hưng Phát		2.196.154
249	455	Công ty TNHH Lâm Sản Mỹ Tân	2803095115	9.250.000
250	239	Công ty TNHH Thn Automotive Systems Việt Nam	2803110740	64.383.987
251	171	CN Số 02 - Công ty TNHH Long Hành Thiên Hạ	1001099064-002	43.531.000
252	573	Công ty Cổ Phần Chế Biến Súc Sản Xuất Khẩu Thanh Hóa	2800101628	6.827.000
253	102	Công ty TNHH Đầu Tư Nghi Sơn Việt Nam	2802446106	97.472.000

TT	STT	Tên doanh nghiệp	Mã số Thuế	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
254	392	Công ty TNHH Ykj Vina	2700701540	63.613.000
255	962	Công ty TNHH Newhope Hà Nội - CN Thanh Hóa	0101044677-003	13.000.000
256	16	Công ty Cổ Phần Xi Măng Bỉm Sơn	2800232620	204.921.250
257	694	Công ty TNHH Khoa Học Công Nghệ Kỹ Thuật Mới Song Phúc Việt Nam	2803104377	4.465.000
258	292	Công ty TNHH May Mặc Solamoda Việt Nam	2803075341	92.527
259	830	Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Quy Hoạch Xây Dựng Thanh Hoá	2800955073	3.787.000
260	325	Công ty TNHH Vật Liệu Ngành Giấy Hong Sheng Việt Nam	2802748308	17.666.000
261	42	Nhà Máy Ô Tô Veam-Tổng Công ty Máy Động Lực Và Máy Nông Nghiệp Việt Nam	0100103866-005	120.353.920
262	519	Công ty Cổ Phần Bao Bì Lam Sơn	2800523718	9.557.000
263	248	Công ty TNHH Mai Anh 88	2802532771	500.000
264	266	Công ty TNHH Hug	2802397875	22.815.000
265	182	Tổng Công ty Công Trình Giao Thông I Thanh Hóa - Công ty Cổ Phần	2800803835	5.000.000
266	58	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Eagle Huge Việt Nam	2802624214	102.205.000
267	188	Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam	108755366	91.888.000
268		Công ty TNHH Kuwait Việt Nam Petrochemicals	2802515984	15.427.692

Phụ biểu 06:

CÁC CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP HUYỆN THU, NỘP TRỰC TIẾP VỀ TÀI KHOẢN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2025

DVT: VN Đồng

STT	Tên đơn vị, cá nhân	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng	33.475.523	
1	Đinh Thị Mến	3.510.000	
2	Không xác định	1.026.000	
3	Sư đoàn 341	17.306.250	
4	Lê Thị Tuyền	742.000	
5	Mai Văn Hùng	2.279.000	
6	Trường Tiểu học Sơn Điện 1, xã Sơn Điện	1.060.000	
7	Trường Tiểu học Sơn Điện 2, xã Sơn Điện	901.000	
8	Trường Mầm non Sơn Điện, xã Sơn Điện	1.431.000	
9	Trường Mầm non Nga Văn	1.026.000	
10	Trường THCS Tế Thắng - xã Thắng Lợi	1.113.000	
11	Trường mầm non Trung Thành, Thắng Lợi	954.000	
12	Trường mầm non Đồng Lương	2.127.273	

Phụ biểu 07:

CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THU, NỘP THEO KẾ HOẠCH NĂM 2024 (sau ngày 31/12/2024)

DVT: VN Đồng

TT	Tên đơn vị	Số tiền nộp về TK Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng	88.263.500	
1	Công ty TNHH Dream F Thanh Hóa	13.348.000	
2	Công ty TNHH Speed Motion Việt Nam L2-2024	26.688.500	
3	Công ty TNHH Công nghệ thể thao Victory	48.227.000	

Phụ biểu 08:

**QUYẾT TOÁN NGUỒN KINH PHÍ QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI UBND CÁC
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2024**

ĐVT: VN Đồng

STT	Tên đơn vị	Đã chuyển về TK Quỹ cấp tỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng		2.663.263.411	
1	TP. Thanh Hóa	96.406.276	
2	TP. Sầm Sơn	56.241.200	
3	TX. Bim Sơn	58.734.500	
4	TX. Nghi Sơn	208.754.671	
5	Huyện Vĩnh Lộc	194.440.000	
6	Huyện Nông Cống	99.377.293	
7	Huyện Thiệu Hóa	136.235.420	
8	Huyện Triệu Sơn	412.980.280	
9	Huyện Yên Định	51.565.524	
10	Huyện Thọ Xuân	88.041.100	
11	Huyện Hà Trung	145.717.231	
12	Huyện Quảng Xương	426.875.107	
13	Huyện Hoằng Hóa	12.025.833	
14	Huyện Hậu Lộc	14.791.279	
15	Huyện Nga Sơn	102.988.906	
16	Huyện Như Thanh	18.808.091	
17	Huyện Thạch Thành	273.575.853	
18	Huyện Cẩm Thủy	95.097.000	
19	Huyện Ngọc Lặc	87.860.000	
20	Huyện Như Xuân	4.014.362	
21	Huyện Lang Chánh	7.413.182	
22	Huyện Bá Thước	358.656	
23	Huyện Quan Hóa	17.249.000	
24	Huyện Quan Sơn	41.911.647	
25	Huyện Mường Lát	11.801.000	